

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị  
Phí đơn kỳ

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Trao gửi niềm tin,  
đầu tư sáng suốt



**TRAO GỬI NIỀM TIN – ĐẦU TƯ SÁNG SUỐT****MỤC LỤC****TRANG**

<i>THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI VIỆT NAM</i>	<i>2</i>
<i>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ PHÍ ĐƠN KỲ NĂM 2018</i>	<i>3</i>
<i>THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NĂM 2018 VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NĂM 2019</i>	<i>6</i>
<i>CÁC BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2018</i>	<i>12</i>
<i>XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH ERNST &amp; YOUNG VIỆT NAM</i>	<i>14</i>



## THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Quý Khách hàng thân mến,

Dai-ichi Life Việt Nam đã kết thúc hành trình năm 2018 - năm thứ 12 hoạt động tại Việt Nam - với kết quả kinh doanh tuyệt vời. Tổng doanh thu phí bảo hiểm trong năm 2018 đạt trên **11.500 tỷ đồng**, tăng **43%** so với năm 2017. Trong đó, doanh thu phí khai thác mới tăng hơn **42%** so với năm 2017, đạt trên **5.000 tỷ đồng**, vươn lên vị trí dẫn đầu về thị phần doanh thu phí khai thác mới trong khối doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ (BHNT) nước ngoài tại Việt Nam.

Ngày 3/10/2018, Dai-ichi Life Việt Nam đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép chấp thuận cho đợt tăng vốn lần thứ tám lên gần 7.700 tỷ đồng để đầu tư mở rộng kinh doanh. Với việc tăng vốn này, Dai-ichi Life Việt Nam không chỉ trở thành một trong những công ty BHNT có mức vốn đầu tư lớn nhất thị trường, mà còn khẳng định thể mạnh của công ty "thuần Nhật" chính là yếu tố trường vốn nhằm thực hiện cam kết "Gắn bó dài lâu" với người dân Việt Nam.

Được hỗ trợ kinh nghiệm đầu tư của Công ty mẹ Dai-ichi Life Nhật Bản, sản phẩm bảo hiểm nhân thọ kết hợp đầu tư tài chính An Thịnh Đầu Tư của Dai-ichi Life Việt Nam đã phát huy thể mạnh, mang đến sự hài lòng cho khách hàng. Kết hợp hài hòa giữa tính năng bảo vệ tài chính vốn có của bảo hiểm, đồng thời mang đến cơ hội gia tăng giá trị tài sản thông qua sự linh hoạt trong lựa chọn đầu tư vào 3 Quỹ liên kết tùy chọn, An Thịnh Đầu Tư đã trở thành một trong những giải pháp đầu tư tài chính hàng đầu, an toàn và hiệu quả cho các gia đình Việt Nam.

Với báo cáo thường niên 2018, chúng tôi xin chia sẻ với Quý khách tình hình hoạt động khả quan của các Quỹ trong năm qua và hy vọng Quý khách sẽ hài lòng và an tâm khi "Trao gửi niềm tin - Đầu tư sáng suốt" cùng Dai-ichi Life Việt Nam.

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt, cùng những nhận định khá lạc quan về các mục tiêu phát triển kinh tế, ổn định vĩ mô trong năm 2019, thị trường chứng khoán Việt Nam được dự báo sẽ có nhiều triển vọng tươi sáng hơn nữa. Trung thành với triết lý kinh doanh "Khách hàng là trên hết", với đội ngũ chuyên gia đầu tư chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm thị trường và tận tâm, Dai-ichi Life Việt Nam cam kết mang đến những giá trị tối ưu cho khách hàng, giúp khách hàng tích lũy, gia tăng giá trị tài sản một cách hiệu quả, lâu dài và bền vững để đảm bảo cuộc sống an nhàn và tương lai thịnh vượng.

Thay mặt Ban lãnh đạo, đội ngũ nhân viên Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, tôi xin chân thành cảm ơn Quý khách đã luôn đồng hành cùng Dai-ichi Life Việt Nam trong suốt thời gian qua, cũng như đã tin tưởng lựa chọn sản phẩm An Thịnh Đầu Tư để đầu tư và bảo vệ kế hoạch tài chính cho bản thân và những người thân yêu.

Kính chúc Quý khách cùng gia đình thật nhiều Sức khỏe, Bình an, Hạnh phúc và Thành công.



Trân trọng,  
**Trần Đình Quân**  
Tổng Giám đốc



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ PHÍ ĐƠN KỲ NĂM 2018

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho kỳ kế toán từ ngày 26 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kinh tế Việt Nam kết thúc năm 2018 với nhiều kết quả tốt đẹp trong đó mức tăng trưởng GDP đạt 7,08%, cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây và vượt chỉ tiêu đề ra là 6,7%. Năm 2018 cũng là năm có nhiều biến động mạnh mẽ và phức tạp trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nổi tiếp đà tăng trưởng từ cuối năm 2017 (984,24 điểm), chỉ số VN-Index tăng trong quý 1 và đạt đỉnh cao nhất là 1.204,3 điểm. Tuy nhiên, do chịu sự tác động chung từ thị trường chứng khoán thế giới, từ quý 2 chỉ số VN Index giảm sâu dẫn đến cuối năm (892,54 điểm). Không năm ngoài xu hướng cung của thị trường, Quỹ Thịnh Vượng cũng phải đối mặt với sự suy giảm trong tổng tài sản tính đến thời điểm cuối năm.

Từ khi thành lập các Quỹ liên kết đơn vị - Phí đơn kì (27/10/2016) đến 31/12/2018, giá trị tài sản của Quỹ Đảm Bảo, với tỷ trọng đầu tư 86,6% vào trái phiếu chính phủ và 11,5% tiền gửi ngân hàng, tăng trưởng ổn định 11,23% (tương đương 5,00%/năm). Trong cùng kỳ, Quỹ Thịnh Vượng với tỷ trọng phân bổ trên 92,9% vào cổ phiếu niêm yết và chịu sự suy giảm trong năm 2018, dẫn đến giá trị tài sản của Quỹ này tính từ thời điểm thành lập tăng 28,32% (trung bình 12,11%/ năm). Trong khi đó, chỉ số VN-index tương ứng tăng 32,5% (trung bình 13,77%/năm).

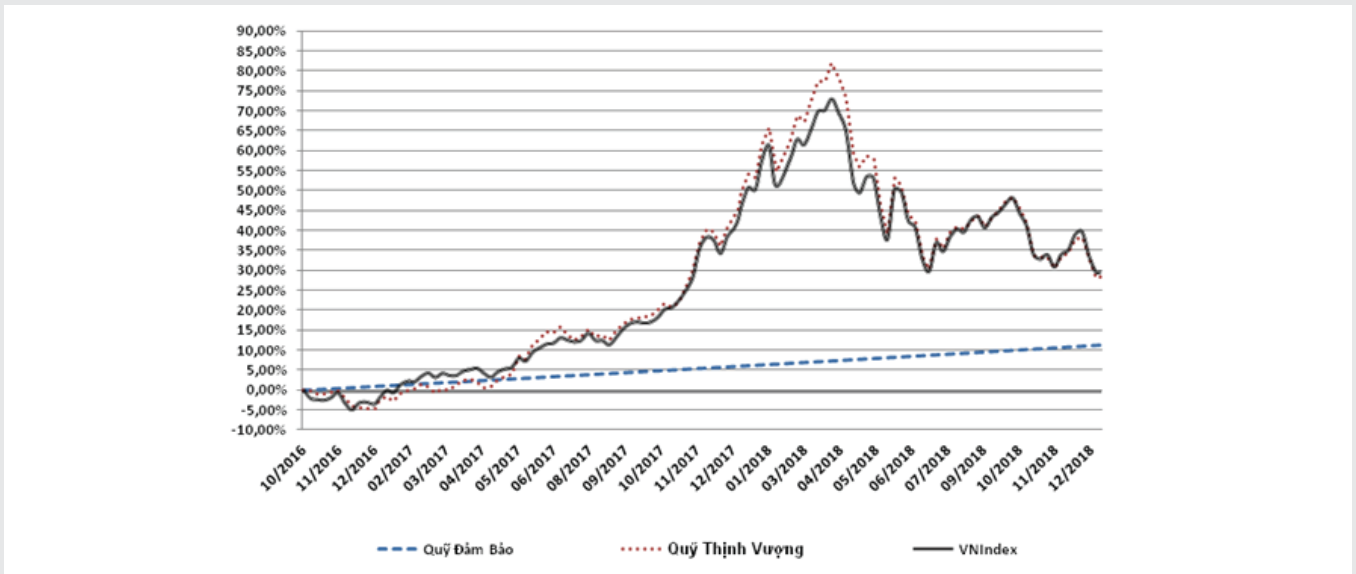
### Bảng bên dưới thể hiện tỷ suất sinh lời của các Quỹ

Tỷ suất sinh lời	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	VN Index
2016*	0,89%	-4,70%	-1,30%
2017	5,00%	52,64%	48,03%
2018	5,00%	-11,78%	-9,32%
Tỷ suất sinh lời quy năm	5,00%	12,11%	13,77%
Từ 26/10/2016 đến 31/12/2018	11,23%	28,32%	32,50%

\*Từ 26/10/2016 đến 31/12/2018

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và phí đầu tư trực tiếp

**Biểu đồ bên dưới thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ**



**Danh sách 05 cổ phiếu tiêu biểu trong danh mục đầu tư của các Quỹ**

CỔ PHIẾU	CÔNG TY	NHÓM NGÀNH	TỶ TRỌNG (% NAV)
VHM	CTCP Vinhomes	Bất Động Sản và Xây Dựng	8,45%
VNM	Vinamilk	Tiêu Dùng - Thực Phẩm, Sữa	7,21%
VCB	Vietcombank	Tài Chính - Ngân Hàng	6,74%
GAS	PV GAS	Tiện Ích - Năng Lượng	5,66%
MWG	Thế Giới Di Động	Tiêu Dùng - Công Nghệ	2,99%

(Số liệu cập nhật tại ngày 30/12/2018)

**Mục tiêu, chính sách và lĩnh vực đầu tư của các Quỹ**

Tên Quỹ	Mục tiêu	Chính sách và rủi ro đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
<b>Quỹ Đảm Bảo</b>	Tạo thu nhập ổn định.	<b>Chính sách đầu tư:</b> Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có thu nhập ổn định. <b>Rủi ro đầu tư:</b> Thấp	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập ổn định khác mà pháp luật cho phép.
<b>Quỹ Thịnh Vượng</b>	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	<b>Chính sách đầu tư:</b> Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. <b>Rủi ro đầu tư:</b> Cao	Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công cụ tài chính khác mà pháp luật cho phép.

**Quỹ Đảm Bảo**

Quỹ này có lợi suất tăng trưởng cố định với tỷ lệ lợi nhuận là 5%/ năm. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

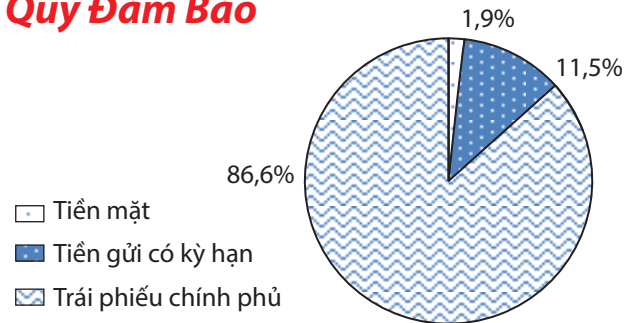
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Đảm Bảo tăng từ 10.843,78 đồng tại cuối năm 2017 lên 11.385,93 đồng tại cuối năm 2018, tăng 5,00%. Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định và được đảm bảo lợi suất cố định nên tính biến động và rủi ro rất thấp.

**Quỹ Thịnh Vượng**

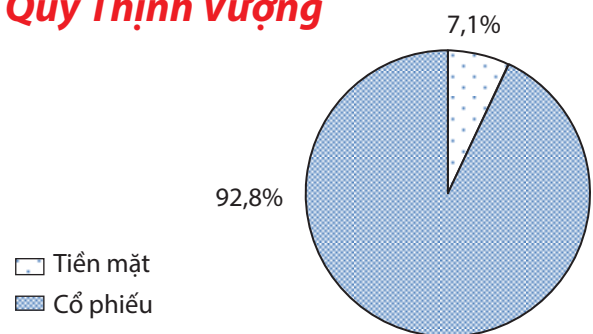
Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Thịnh Vượng giảm từ 14.456,14 đồng tại cuối năm 2017 đồng xuống còn 12,832.05 đồng tại cuối năm 2018, tương ứng giảm 11,78%. Do phần lớn tài sản của quỹ được đầu tư vào cổ phiếu niêm yết nên tài sản của quỹ chịu sự ảnh hưởng giảm chung đến từ thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, kết quả trong năm này không làm gián đoạn mục tiêu tăng trưởng cao từ trung và dài hạn của quỹ.

**Quỹ Đảm Bảo**



**Quỹ Thịnh Vượng**



**CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

**Phí quản lý Quỹ**

	TỶ LỆ	SỐ TIỀN
Quỹ Đảm Bảo	(*)	65.711.298
Quỹ Thịnh Vượng	2,00%	61.535.375

(\*) Khoản chênh lệch giữa mức tăng trưởng thực tế của Quỹ Đảm Bảo và mức tăng trưởng đảm bảo.

**Phí đầu tư trực tiếp**

	SỐ TIỀN
Quỹ Đảm Bảo	158.400
Quỹ Thịnh Vượng	10.780.413

**CỔ TỨC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CỔ TỨC ĐẾN TÀI SẢN RÒNG**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Quỹ Đảm Bảo và Quỹ Thịnh Vượng là quỹ không chia cổ tức nên các quỹ này sẽ không phân chia cổ tức cho các Chủ hợp đồng.



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NĂM 2018 VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NĂM 2019

**Điểm sáng kinh tế:** tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 7,08% cao nhất kể từ năm 2007, trong khi các chỉ số vĩ mô chính ổn định.

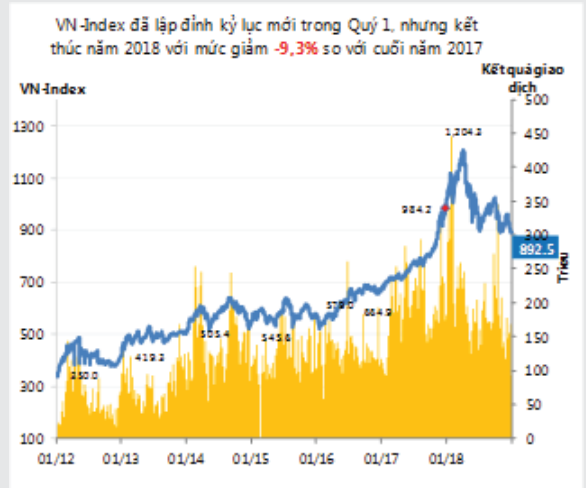
Chỉ số	2018	2019F
Tăng trưởng kinh tế (GDP - %)	7,08%	6,80%
Lạm phát (CPI bình quân YoY - %)	3,54%	<4%
Tỷ giá (VND tăng/giảm giá so với USD)	-2,3%	-2,0%
Tăng trưởng tín dụng (%)	14,0%	15,0%
Tổng phương tiện thanh toán (M2)	11,3%	13,0%
Thặng dư thương mại (tỷ USD)	7,2	7
Giải ngân vốn FDI (tỷ USD)	19,1	20,5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	60	65
Lợi suất trái phiếu chính phủ 5-năm (%)	4,56	4,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê, DFVN research)

**Một năm nhiều biến động của thị trường chứng**

**khoán:** VN-Index lập đỉnh kỷ lục mới ở mức 1.204 điểm, tăng ~23% chỉ trong Quý 1, giảm mạnh sau đó và khép lại năm 2018, chỉ số VN-Index giảm **9,3%** so với cuối năm 2017, sau 6 năm tăng liên tục từ 2012-2017. **Với mức định giá như hiện nay (15,6x P/E), cơ hội giải ngân với xác suất cao mang lại lợi nhuận, đặc biệt với các chiến lược đầu tư đa dạng hóa và dài hạn. Mặt khác, nền tảng kinh tế vĩ mô dự báo ổn định và triển vọng lợi nhuận của các doanh nghiệp khả quan, các chuyên gia cũng lạc quan về triển vọng hồi phục của VN-Index trong năm 2019.**

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Tăng trưởng (%)	17.7%	22.0%	8.1%	6.1%	14.8%	48.0%	-9.3%



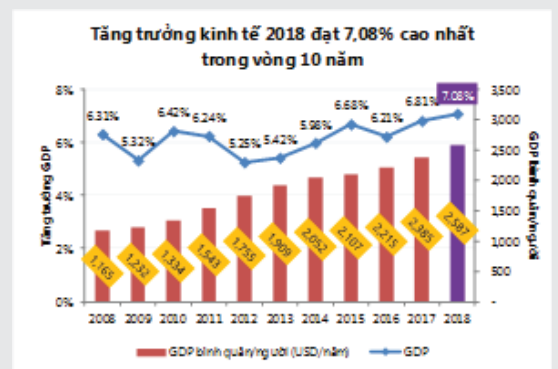
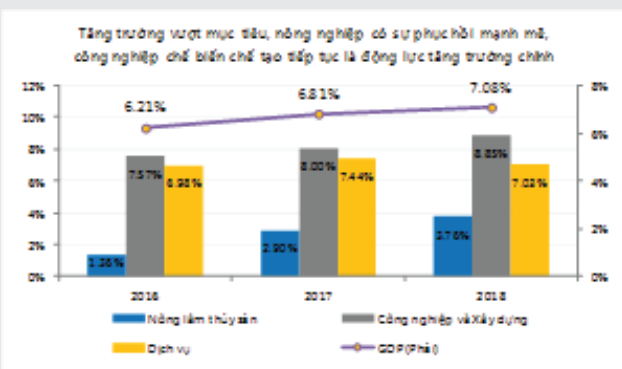
(Nguồn: Bloomberg, DFVN research)

**Các nhân tố và sự kiện đáng chú ý có thể ảnh hưởng đến kinh tế và thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam 2019**

- Trong nước, dự báo lạc quan về kinh tế và các chỉ số vĩ mô ổn định. Môi trường kinh tế tiếp tục được cải thiện để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Châu Âu – Việt Nam (EVFTA) chính thức có hiệu lực. Triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp và các nhân tố “xúc tác” vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc khôi phục lòng tin nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán như tiến trình cổ phần hóa, niêm yết, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước kỳ vọng sẽ được đẩy mạnh trong năm 2019.
- Quốc tế, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung; các nền kinh tế lớn tăng trưởng chậm lại; động thái nâng lãi suất của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) và của ngân hàng trung ương các nước khác; diễn biến tỷ giá đồng USD và đồng Nhân dân tệ (CNY).

**TRIỂN VỌNG KINH TẾ LẠC QUAN**

**Tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 7,08% - cao nhất kể từ năm 2007.** Tất cả ba khu vực của nền kinh tế đều đạt được tăng trưởng tốt. Trong đó, so với cùng kỳ năm 2017, nông nghiệp (tăng 3,8% cao nhất kể từ năm 2012); công nghiệp và xây dựng (tăng 8,8%) trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo (tăng 12,98%) phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; dịch vụ (tăng 7,03%) nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh với doanh thu bán lẻ nội địa tăng 9,4% cao nhất kể từ 2011, kim ngạch xuất khẩu (tăng 13,8%) và giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI (tăng 9,1%). Xuất khẩu có thể được hỗ trợ khi các Hiệp định Thương mại tự do (FTAs) sắp có hiệu lực, đặc biệt là EVFTA và CPTPP.



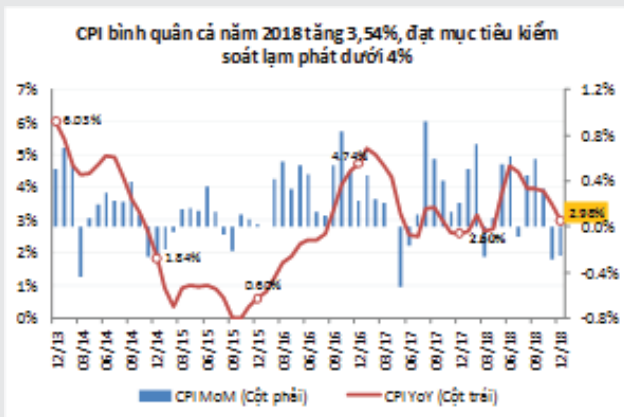
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc tiếp tục leo thang. Việt Nam có thể hưởng lợi trong ngắn hạn khi được lựa chọn là nhà cung cấp thay thế; trong trung hạn, là sự dịch chuyển sản xuất trong chuỗi cung ứng toàn cầu do giá cả hàng hóa hay hàng rào thuế quan, nếu Việt Nam có thể chuẩn bị để đón bắt cơ hội này. Mặc dù dự báo các nhân tố bên ngoài tác động đến kinh tế Việt Nam vẫn diễn biến phức tạp và khó lường hơn, nhưng động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế đến từ ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao nhờ triển vọng xuất khẩu và nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng một cách bền vững, **mục tiêu tăng trưởng kinh tế (6,8%) của Việt Nam trong năm 2019 là có thể đạt được.**

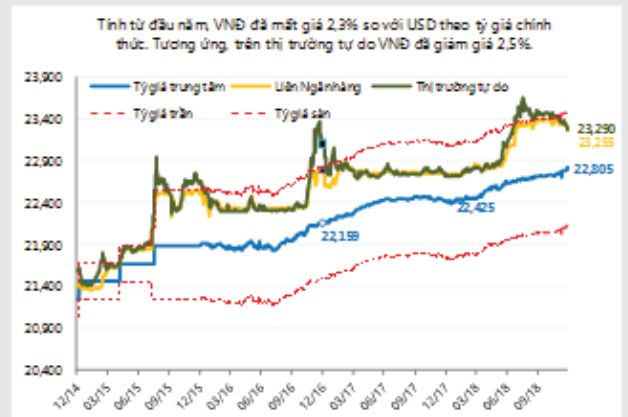


**Lạm phát được kiểm soát.** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2018 tăng 3,56% đạt mục tiêu Chính phủ đề ra. Các yếu tố chính tác động đến CPI năm 2018 tăng so với năm 2017, bao gồm giá thịt heo (tăng 10,37%) do thiếu hụt nguồn cung, giá nhiên liệu trong nước (tăng 15,25%) do biến động giá dầu thế giới tăng khoảng 30%, các lần điều chỉnh học phí, giá dịch vụ y tế.

**Mục tiêu CPI bình quân năm 2019 tăng dưới 4%. Rủi ro lạm phát 2019 dự báo là không lớn** (1) do nguy cơ lạm phát tiền tệ liên quan đến tăng trưởng cung tiền (M2) và tăng trưởng tín dụng được kiểm soát tốt, (2) Việc điều chỉnh giá các nhóm hàng hóa do Nhà nước quản lý như nhóm hàng thuốc và dịch vụ y tế, giáo dục, giá điện...cũng trong tầm kiểm soát, (3) các biến số khác như mức tăng lương, giá nhóm hàng thực phẩm và giao thông do ảnh hưởng diễn biến giá dầu và giá hàng hóa thế giới dự báo cũng không gây ra những biến động giá quá mạnh trong năm 2019.



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)



(Nguồn: NHNN, DFCV Research)

Theo **tỷ giá** liên ngân hàng, **VND mất giá 2,3% so với USD trong năm 2018** cho dù chịu sức ép lớn từ các nhân tố bên ngoài. Fed tăng lãi suất, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc leo thang, sự mạnh lên của đồng USD và đồng Nhân dân tệ (CNY) mất giá mạnh, dòng vốn rút khỏi các thị trường mới nổi. Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) Việt Nam đã thành công trong việc giữ vững sự ổn định của đồng VND nhờ vào (1) cán cân thương mại thặng dư (7,2 tỷ USD), cán cân tài chính tiếp tục thặng dư nhờ giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI (~19,1 tỷ USD), kiều hối (~16 tỷ USD) và dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài FII (~2 tỷ USD). Nhờ đó, NHNN có điều kiện để bổ sung dự trữ ngoại hối ở mức cao (~60 tỷ USD).

**Tỷ giá VND/USD dự báo ổn định và VND mất giá khoảng 2%-3% trong năm 2019**, nhờ dòng tiền tích cực từ giải ngân FDI, FII, kiều hối và thặng dư thương mại. Tuy nhiên, cũng rất cần cảnh giác với các nhân tố bên ngoài nêu trên.

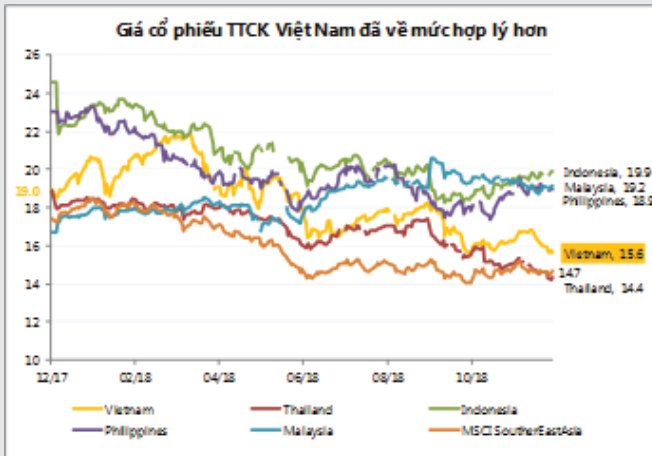
Mặt bằng **lãi suất** huy động cuối năm 2018 tăng nhẹ 0,1-0,3% tùy kỳ hạn và tùy NHTM so với cuối năm 2017. Mặt bằng lãi suất huy động VND phổ biến ở mức 0,6-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và 6,5-7,3%/năm kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Lãi suất cho vay hiện phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, 9-11% đối với trung và dài hạn.

Như vậy, lạm phát và tỷ giá dự báo có thể không gây tác động lớn tới mặt bằng lãi suất trong năm 2019. NHNN có điều kiện để linh hoạt trong điều hành chính sách tiền tệ và **mặt bằng lãi suất dự báo không tăng nhiều so với năm 2018**.

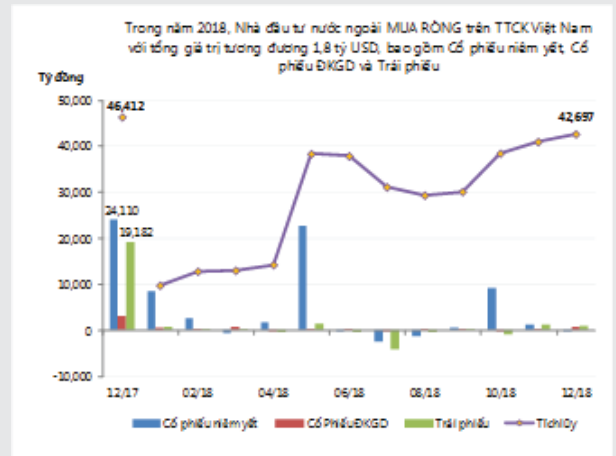
## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CÓ MỘT NĂM BIẾN ĐỘNG MẠNH

- Tiếp đà hưng phấn từ cuối năm 2017, VN-Index lập đỉnh kỷ lục mới vào 10/04/2018 ở mức 1.204 điểm, tăng ~23% trong Quý 1/2018, là một trong những thị trường có mức tăng mạnh nhất thế giới. VN-Index kết thúc năm 2018 ở mức 892,54 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017 (giảm 26% so với mức đỉnh vừa thiết lập), sau 6 năm tăng liên tục từ 2012-2017.

Đợt điều chỉnh mạnh năm 2018 đã khiến chỉ số định giá chứng khoán Việt Nam đã về mức hợp lý hơn, tương đương các thị trường khu vực cùng phân hạng. Theo số liệu từ Bloomberg, VN-Index giao dịch ở mức định giá PE 15,6 lần năm 2018, gần mức PE bình quân 5 năm gần nhất (15,3x) và dự báo PE 13,6x trong năm 2019, trên cơ sở kỳ vọng lợi nhuận doanh nghiệp tăng ~15% năm 2019.



(Nguồn: Bloomberg)



(Nguồn: UBCK Nhà nước, DSVN tổng hợp)

• **Quy mô thị trường và thanh khoản tiếp tục cải thiện.** Quy mô vốn hóa TTCK Việt Nam đạt ~4,2 triệu tỷ đồng (181 tỷ USD), tăng 13% so với năm 2017, tương đương 73% GDP 2018. Giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 6.500 tỷ/phiên (tăng 29% so với năm 2017).

Khối nhà đầu tư nước ngoài mua ròng ~43.700 tỷ đồng, tăng 64% so với 2017, chủ yếu trên sàn HOSE và UPCOM, thông qua phương thức giao dịch thỏa thuận. Các giao dịch đáng chú ý của khối ngoại trên sàn HOSE năm 2018 bao gồm VHM (ngày 18/05 mua thỏa thuận 28.548 tỷ đồng) giúp TTCK Việt Nam có phiên giao dịch tỷ USD đầu tiên trong lịch sử; HDB (2.330 tỷ đồng), MSN (13.298 tỷ), VRE (3.843 tỷ đồng), YEG (2.578 tỷ đồng).

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2019 THÁCH THỨC VẪN CÒN Ở PHÍA TRƯỚC, NHƯNG CÓ CƠ SỞ ĐỂ LẠC QUAN

• Nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng tốt trong khi vẫn chú trọng duy trì ổn định các cân đối kinh tế vĩ mô chính. Môi trường kinh tế thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh phục vụ nhu cầu nội địa giàu tiềm năng và thị trường xuất khẩu.

• Luật Chứng khoán (Sửa đổi), dự kiến trình Quốc hội thông qua vào Quý 3/2019, sẽ có sự sửa đổi căn bản về vấn đề tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài (FOL), nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trên TTCK. Khi được áp dụng, điều này không chỉ góp phần nâng cao quy mô và thanh khoản TTCK Việt Nam, mà còn là một bước tiến bộ quan trọng trong việc xem xét nâng hạng thị trường. Đây là những động lực xúc tác quan trọng, góp phần khôi phục lòng tin, đặc biệt đối với nhà đầu tư nước ngoài, đối với TTCK Việt Nam.

• Quá trình cổ phần doanh nghiệp nhà nước (IPOs), thoái vốn nhà nước và niêm yết mới kỳ vọng sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ hơn trong năm 2019. Tiến trình này có thể được thúc đẩy tốt hơn nhờ sự ra đời của “siêu” Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Tiến trình này góp phần cải thiện mạnh mẽ quy mô và chất lượng “hàng hóa” trên TTCK Việt Nam.

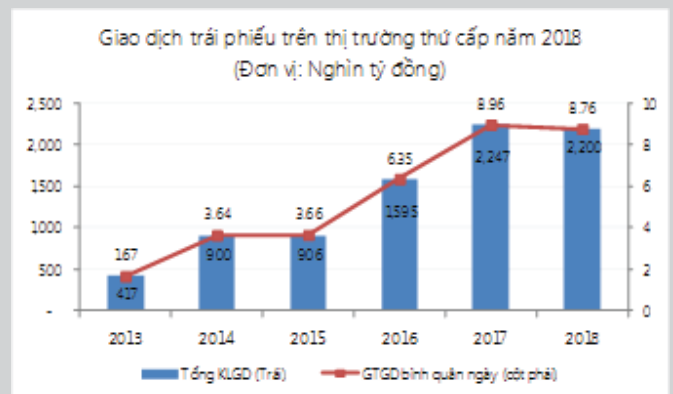
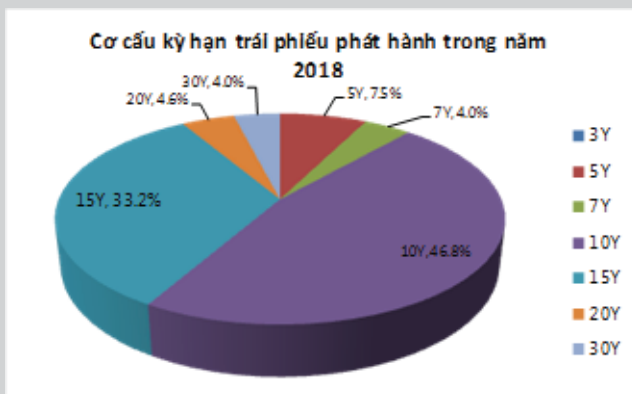
• Triển vọng nâng hạng thị trường ngày càng rõ nét hơn; quy mô vốn hóa và thanh khoản thị trường cải thiện; triển vọng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết khả quan và mức định giá cổ phiếu hiện đã ở mức hợp lý và hấp dẫn hơn đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài.

• Bên cạnh đó, các nhân tố rủi ro bên ngoài khó đoán định có thể tác động đến TTCK Việt Nam, như là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế thương mại toàn cầu; tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại ảnh hưởng đến triển vọng xuất khẩu; Fed tăng lãi suất, các NHTW các nước lớn thắt chặt tiền tệ ảnh hưởng đến dòng vốn và tỷ giá; các rủi ro địa chính trị bất định khác gây bất ổn khu vực và toàn cầu, ảnh hưởng đến kinh tế, thương mại và thị trường chứng khoán toàn cầu.



## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRẦM LẶNG!

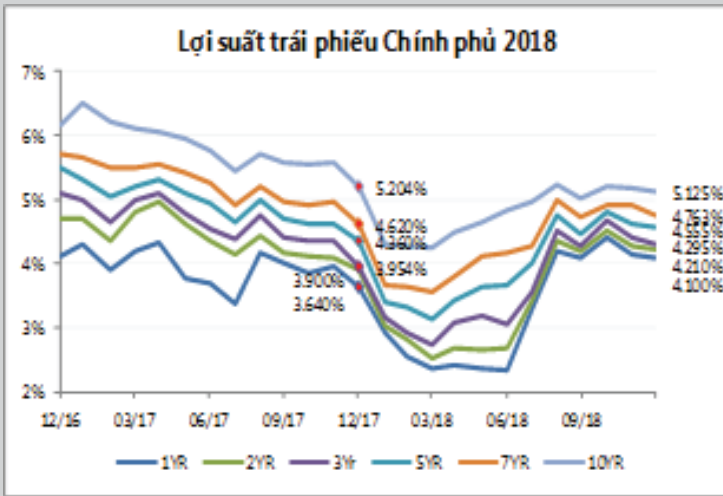
**Huy động trái phiếu Chính phủ (TPCP) bị sụt giảm trong năm 2018 do yêu cầu gắn khối lượng phát hành với nhu cầu giải ngân dự án đầu tư.** Theo thống kê của Hiệp hội trái phiếu Việt Nam (VBMA), trong năm 2018, tổng khối lượng phát hành TPCP đạt 196.797 tỷ đồng (trong đó 171.797 tỷ đồng phát hành thông qua đấu thầu, 25.000 tỷ phát hành cho bảo hiểm xã hội) giảm 19% so với năm 2017, đạt 98% kế hoạch phát hành điều chỉnh năm 2018.



(Nguồn: VBMA, DFVN Research)

Quy mô thị trường đạt khoảng 53 tỷ USD tương đương 23% GDP, gấp đôi quy mô của năm 2013 (theo số liệu đến 09/2018 của Ngân hàng Phát triển Châu Á – ADB), tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Giao dịch trái phiếu trên thị trường thứ cấp cũng sôi động, với giá trị giao dịch bình quân ngày đạt khoảng 8.760 tỷ đồng. Tuy nhiên, khối nhà đầu tư nước ngoài chuyển sang vị thế bán ròng (~860 tỷ đồng) sau 03 năm mua ròng liên tiếp. Nhà đầu tư cũng trở nên thận trọng hơn và điều chỉnh chiến lược đầu tư cho phù hợp với diễn biến lãi suất do áp lực từ quyết định của Fed và diễn biến tỷ giá các đồng tiền chủ chốt USD, CNY..., dẫn đến dòng tiền vào thị trường trái phiếu bị ảnh hưởng.

Lợi suất TPCP giảm mạnh ở hầu hết các kỳ hạn trong nửa đầu năm 2018 và đã hồi phục trong 6 tháng cuối năm với mức tăng từ 0,1% đến 0,5% đối với các kỳ hạn ngắn và giảm ở các kỳ hạn dài, so với cùng kỳ 2017. Theo Bloomberg, vào cuối năm 2018, lợi suất TPCP tương ứng các kỳ hạn 1-năm 4,1% (+0,46%), 2-năm 4,21% (+0,31%), 3-năm 4,295% (+0,34%), 5-năm 4,56% (0,2%), 7-năm 4,763% (+0,14%), 10-năm 5,125% (-0,08%) và 15-năm 5,413% (-0,28%).



(Nguồn: Bloomberg)

Cơ cấu nhà đầu tư trên thị trường cũng có sự chuyển biến về cơ bản: tỷ trọng nắm giữ của nhà đầu tư là các Ngân hàng thương mại giảm xuống còn 53% (so với ~80% năm 2016) và phần còn lại bao gồm các công ty Bảo hiểm, Quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính khác chiếm 47%. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp bắt đầu được chú trọng phát triển hơn nhằm góp phần “san sẻ” gánh nặng tài trợ vốn trung và dài hạn cho doanh nghiệp. Với việc ban hành Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (thay thế Nghị định 90/2011/NĐ-CP) có hiệu lực từ ngày 1/2/2019, kỳ vọng thúc đẩy thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát triển theo thông lệ quốc tế.

**Trong năm 2019, lợi suất TPCP kỳ vọng ổn định tương đương năm 2018, dựa trên các đánh giá sau**

đây (1) Fed công bố giảm số lần tăng lãi suất xuống còn 2 lần trong năm 2019, (2) nguồn cung giảm do điều tiết của Chính phủ nhằm đảm bảo mục tiêu thâm hụt tài khóa ở mức 3,6%, với kế hoạch huy động TPCP dự kiến 200.000 tỷ đồng (3) nhu cầu tăng từ các công ty bảo hiểm nhân thọ.

**Thị trường trái phiếu doanh nghiệp bắt đầu được chú trọng phát triển hơn.** Tính đến cuối năm 2018, tỷ lệ tín dụng trên GDP hiện vào khoảng 130% được cho là cao theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, mức có thể gây rủi ro cho nền kinh tế và hệ thống ngân hàng, do dùng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay dài hạn. Theo thông lệ quốc tế, doanh nghiệp có thể phát hành trái phiếu để tài trợ cho hoạt động vốn trung và dài hạn của doanh nghiệp. Trong khi đó, quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam (tương đương ~7% GDP) vẫn còn rất khiêm tốn so với các quốc gia trong khu vực. Mặt khác, có rất ít các doanh nghiệp có thể phát hành trái phiếu huy động vốn do (1) Việt Nam chưa có tổ chức định mức tín nhiệm độc lập, (2) Việc minh bạch và công bố thông tin chưa được thực hiện đầy đủ... là những nguyên nhân chính khiến cho các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài, chưa thể đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp hoặc yêu cầu mức lãi suất cao.

## TRIỂN VỌNG LẠC QUAN TRONG NĂM 2019

Bối cảnh quốc tế vẫn có những diễn biến phức tạp, nhưng từ nội lực, Việt Nam vẫn lạc quan về các mục tiêu phát triển kinh tế, ổn định vĩ mô trong năm 2019. Trên thị trường chứng khoán, ở mức định giá hiện nay, cơ hội giải ngân với chiến lược đầu tư dài hạn và đa dạng hóa, rất khả quan.

**Ghi chú quan trọng:**

Thông tin trên đây dựa trên các nguồn dữ liệu được cho là đáng tin cậy và được công bố công khai. Ngoại trừ các thông tin về Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt nam (DFVN), DFVN không cam kết về tính chính xác của các thông tin này. Các ý kiến, ước tính giả định diễn đạt trong bài viết này chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành bài viết này.

Các thông tin và ý kiến diễn đạt trong bài viết này không nhằm mục đích chào bán hay lời mời để chào mua hay bán bất kỳ loại chứng khoán hay bất kỳ sản phẩm chứng khoán phái sinh nào. Cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất kỳ công cụ tài chính nào cụ thể.

Đầu tư chứng khoán có rủi ro. Giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hay xuống. Kết quả đầu tư đạt được trong quá khứ, nếu có, không đảm bảo kết quả tương tự trong tương lai.



## CÁC BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2018

### BÁO CÁO PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày  
Nội dung

	VND Số tiền
<b>Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm</b>	<b>206.368.203.707</b>
Phí cơ bản	252.529.316.838
Phí đóng thêm	9.263.274.047
<b>Quỹ mỗi rút ra từ Quỹ Chủ sở hữu</b>	<b>(55.424.387.178)</b>
<b>Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết Đơn vị</b>	<b>(166.469.920.600)</b>
Năm thứ nhất	(139.729.261.500)
Năm thứ hai	(16.339.368.100)
Năm thứ ba	(8.529.751.500)
Năm thứ tư	(1.871.539.500)
<b>Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết Đơn vị</b>	<b>39.898.283.107</b>

Quỹ	Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2018				Số phát sinh trong kỳ				Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2018			
	Số tiền		Số đơn vị quỹ		Số tiền		Số đơn vị quỹ		Số tiền		Số đơn vị quỹ	
	Số tiền	Giá mua	Giá bán	Số tiền	Giá mua	Giá bán	Số tiền	Giá mua	Giá bán	Số tiền	Giá mua	Giá bán
Quỹ Tăng Trưởng	59.168.889.169	3.308.698	17.883	17.883	2.386.542.291	593.246	(*)	(*)	61.555.431.460	3.901.944	15.776	15.776
Quỹ Phát Triển	86.657.079.527	6.070.320	14.276	14.276	(22.387.479.943)	(1.520.307)	(*)	(*)	64.269.599.584	4.550.013	14.125	14.125
Quỹ Bảo Toàn	25.493.378.238	2.194.573	11.617	11.617	1.639.775.176	10.948	(*)	(*)	27.133.153.414	2.205.521	12.302	12.302
Quỹ Đảm Bảo	7.719.731.844	711.904	10.844	10.844	(541.291.067)	(81.438)	(*)	(*)	7.178.440.777	630.466	11.386	11.386
Quỹ Thịnh Vượng	2.977.250.644	204.676	14.546	14.546	(297.299.390)	4.172	(*)	(*)	2.679.951.254	208.848	12.832	12.832
	<b>182.016.329.422</b>	<b>12.490.171</b>			<b>(19.199.752.933)</b>	<b>(993.379)</b>			<b>162.816.576.489</b>	<b>11.496.792</b>		

(\*) Không áp dụng

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	VND Tổng cộng
Tiền mặt	4.732.628.965	2.709.785.004	60.174.716	137.877.694	206.045.423	7.846.511.802
<b>Danh mục đầu tư</b>	<b>57.188.927.875</b>	<b>61.707.947.743</b>	<b>27.074.837.260</b>	<b>7.041.313.698</b>	<b>2.489.845.905</b>	<b>155.502.872.481</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	27.074.837.260	825.446.575	-	27.900.283.835
Trái phiếu chính phủ	-	40.335.927.123	-	6.215.867.123	-	46.551.794.246
Cổ phiếu niêm yết	57.188.927.875	21.372.020.620	-	-	2.489.845.905	81.050.794.400
Tài sản khác	(366.125.380)	(148.133.163)	(1.858.562)	(750.615)	(15.940.074)	(532.807.794)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>61.555.431.460</b>	<b>64.269.599.584</b>	<b>27.133.153.414</b>	<b>7.178.440.777</b>	<b>2.679.951.254</b>	<b>162.816.576.489</b>
<b>Giá trị tài sản ròng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>61.555.431.460</b>	<b>64.269.599.584</b>	<b>27.133.153.414</b>	<b>7.178.440.777</b>	<b>2.679.951.254</b>	<b>162.816.576.489</b>
<b>Giá trị tài sản ròng vào ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	<b>59.168.889.169</b>	<b>86.657.079.527</b>	<b>25.493.378.238</b>	<b>7.719.731.844</b>	<b>2.977.250.644</b>	<b>182.016.329.422</b>

## BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	VND Tổng cộng
<b>Thu nhập</b>						
Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ	49.619.844.182	(13.527.738.271)	4.677.841.925	(933.118.361)	61.453.632	39.898.283.107
Liên kết Đơn vị	(5.963.239.823)	1.669.829.785	1.642.067.164	463.313.792	(286.437.234)	(2.474.466.316)
Thu nhập từ hoạt động đầu tư						
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	753.846.180	1.642.067.164	97.113.798	-	2.493.027.142
<i>Trái phiếu chính phủ</i>	-	3.529.520.000	-	366.199.994	-	3.895.719.994
<i>Cổ phiếu</i>	(5.963.239.823)	(2.613.536.395)	-	-	(286.437.234)	(8.863.213.452)
Thu khác	292.602.400	84.310.400	68.803.200	-	-	445.716.000
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>43.949.206.759</b>	<b>(11.773.598.086)</b>	<b>6.388.712.289</b>	<b>(469.804.569)</b>	<b>(224.983.602)</b>	<b>37.869.532.791</b>
<b>Chi phí</b>						
Phí bảo hiểm rủi ro	34.306.539.977	6.744.528.361	3.797.209.662	5.616.800	-	44.853.894.800
Phí quản lý hợp đồng	2.489.220.823	503.452.039	287.787.538	-	-	3.280.460.400
Phí chuyển đổi quỹ	50.000	50.000	100.000	-	-	200.000
Phí hủy hợp đồng	3.319.682.500	1.534.066.300	530.417.400	-	-	5.384.166.200
Phí quản lý quỹ	1.232.003.038	1.713.090.868	131.592.113	65.711.298	61.535.375	3.203.932.692
Phí hoạt động đầu tư	215.168.130	118.694.289	1.830.400	158.400	10.780.413	346.631.632
<b>Tổng chi phí</b>	<b>41.562.664.468</b>	<b>10.613.881.857</b>	<b>4.748.937.113</b>	<b>71.486.498</b>	<b>72.315.788</b>	<b>57.069.285.724</b>
<b>Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí</b>	<b>2.386.542.291</b>	<b>(22.387.479.943)</b>	<b>1.639.775.176</b>	<b>(541.291.067)</b>	<b>(297.299.390)</b>	<b>(19.199.752.933)</b>
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang	-	-	-	-	-	-
Thu nhập phân chia	-	-	-	-	-	-
<i>Cho chủ hợp đồng</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mỗi)</i>	-	-	-	-	-	-
<b>Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau</b>	<b>2.386.542.291</b>	<b>(22.387.479.943)</b>	<b>1.639.775.176</b>	<b>(541.291.067)</b>	<b>(297.299.390)</b>	<b>(19.199.752.933)</b>

## XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 6252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 60752779/20162013-ILP

### BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 2 đến trang 7, bao gồm báo cáo phí bảo hiểm và tình hình thay đổi đơn vị quỹ, báo cáo tình hình tài sản của các Quỹ Liên kết Đơn vị, báo cáo thu nhập và chi phí của các Quỹ Liên kết Đơn vị và các thuyết minh báo cáo kèm theo tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị phù hợp với Thông tư số 135/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 8 năm 2012, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa áp dụng do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thông tư số 135/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 8 năm 2012, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ERNST & YOUNG  
VIỆT NAM

Trịnh Hoàng Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019